

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 03-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lâm

Ông Trương Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Đ, sinh năm 2002, tại Bình Phước; Nơi cư trú: thôn 10, xã D, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: X tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều P và bà Quất Thị Xa U; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân: ngày 03/4/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù theo Bản án số 14/2020/HS-ST ngày 03/4/2020 về tội “trộm cắp tài sản”; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/10/2023 cho đến nay; “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Đ: Ông Đàm Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước “có mặt”

Bị hại: Ông Điều T, sinh năm 2005 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Thôn 10, xã D, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 ngày 29/8/2023, Đ đi bộ từ nhà ở thôn 10, xã D, huyện Bù Gia Mập sang nhà ông M cách nhà Đ khoảng 400 mét để chơi. Trên đường đi, Đ thấy Điều T (sinh năm 2005, ngụ thôn 10, xã D, huyện Bù Gia Mập) điều khiển xe mô tô hiệu HONDA, loại WINNER, biển số: 93P2 – 195.04 dựng bên lề đường rồi đi vào nhà. Thấy vậy, Đ nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của T đem bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Đ đi đến T học thôn 10, xã D ngồi đợi đến khuya chờ T ngủ say sẽ lấy trộm xe mô tô của T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 29/8/2023, Đ đi đến chỗ dựng xe, thấy xe đang khoá cổ, nắp ổ khoá đóng. Đ liền dựng chân chống đứng của xe lên rồi dùng tay lật mạnh 04 cái thì gãy khoá cổ. Đ dắt xe đi khoảng 50m thì nhặt cục đá ở ven đường đập bẻ miếng nhựa kế bên ổ khóa rồi kéo dây điện ổ khóa ra, dùng cạnh sắc của cục đá cắt đứt dây điện rồi nối lại với nhau, rồi đề nổ máy, điều khiển xe chạy về chòi rẫy của ông Điều Ốt (thôn 10, xã D) cất giấu.

Phát hiện bị mất tài sản, Điều T làm đơn trình báo Công an xã D để giải quyết vụ việc. Đến ngày 01/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập triệu tập Đ làm việc và Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập tạm giữ xe mô tô hiệu HONDA, loại WINNER, biển số: 93P2 – 195.04 để điều tra.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập xác định tại thời điểm ngày 29/8/2023 giá trị của xe mô tô hiệu HONDA, loại WINNER, biển số: 93P2 – 195.04 có giá trị là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 06/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Điều T không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WINNER, biển số: 93P2 – 195.04 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trả chiếc xe này cho T, do đó không đề cập xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ đã khai nhận bản thân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô, biển số: 93P2 – 195.04 của bị hại ông Điều T theo đúng nội dung Cáo trạng đã truy tố. Nay bị cáo đã nhận biết hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một mức án

thấp để bị cáo có cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện T; kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; người làm chứng phù hợp về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền để tiêu xài, nên khoảng 23 giờ 00 phút ngày 29/8/2023, Đ đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu HONDA, loại WINNER, biển số: 93P2 – 195.04 của Điều T ở thôn 10, xã D, huyện Bù Gia Mập. Xe có giá trị là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo so với những quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do mong muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện việc phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo cần xem xét quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt 15 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Điều T không yêu cầu Đ phải bồi thường nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WINNER, biển số: 93P2 – 195.04 là của Điều T, T đứng tên chủ sở hữu nên ngày 02/10/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trả chiếc xe này cho T là đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xử lý lại.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 106, Điều 260, Điều 329, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt bị cáo Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 02/10/2023.

Quyết định tạm giam bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Ly